

Số: /NQ-HĐND

Thanh Trị, ngày tháng năm 2024

Dự thảo

**NGHỊ QUYẾT**

**Về điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách  
huyện Thanh Trị năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ  
KHOÁ XII, KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước, ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3139/QĐ-UBND, ngày 11 tháng 12 năm 2023 của  
UBND tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm  
2024 cho các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND, ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Hội  
đồng Nhân dân huyện Thanh Trị khoá XII kỳ họp lần thứ 13, về phân bổ dự toán  
thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách huyện Thanh Trị, năm 2024;

Xét Tờ trình số 746/TTr-UBND, ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban  
Nhân dân huyện Thanh Trị về điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước, chi  
ngân sách huyện Thanh Trị, năm 2024; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã  
hội HĐND huyện, ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND huyện Thanh Trị tại kỳ  
họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí thông qua điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước, chi  
ngân sách huyện Thanh Trị, năm 2024 theo Tờ trình số 746/TTr-UBND, ngày 07  
tháng 6 năm 2024 của Ủy ban Nhân dân huyện Thanh Trị; cụ thể một số khoản  
thu, chi như sau:

**1. Điều chỉnh tăng dự toán thu ngân sách huyện năm 2024 số tiền:  
154.652.927.027 đồng. Dự toán sau khi điều chỉnh: 636.682.927.027 đồng,  
trong đó:**

**1.1** Dự toán thu ngân sách trên địa bàn: 35.000.000.000 đồng, trong đó  
ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp: 32.350.000.000 đồng (theo dự toán  
đầu năm).

**1.2** Tăng dự toán thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 77.155.747.179 đồng.  
Dự toán thu sau khi điều chỉnh là: 526.835.747.179 đồng.

**1.3** Tăng dự toán thu chuyển nguồn ngân sách huyện năm 2023 chuyển sang năm 2024 là 62.131.930.805 đồng (theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC, ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính).

- Dự toán thu chuyển nguồn ngân sách cấp huyện: 58.673.706.268 đồng.
- Dự toán thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã: 3.458.224.537 đồng.

**1.4** Tăng dự toán thu kết dư ngân sách huyện: 15.365.249.043 đồng.

- Kết dư của ngân sách cấp huyện: 12.704.287.218 đồng.
- Kết dư của ngân sách cấp xã: 2.660.961.825 đồng.

**2. Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách huyện năm 2024: 154.652.927.027 đồng. Dự toán sau khi điều chỉnh: 636.682.927.027 đồng, trong đó:**

**2.1** Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách cấp huyện: 138.197.640.665 đồng, dự toán sau điều chỉnh là: 558.385.640.665 đồng, bao gồm:

**2.2** Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách cấp xã: 16.455.286.362 đồng. Dự toán chi sau điều chỉnh: 78.297.286.362 đồng, trong đó:

*(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)*

## **Điều 2.**

**1.** Giao UBND huyện tập trung điều hành dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2024 theo đúng quy định. Trong điều hành ngân sách 6 tháng cuối năm 2024, trường hợp có phát sinh nguồn hoặc được bổ sung vốn cho những nhiệm vụ cụ thể (không thuộc nhiệm vụ thu, chi đã điều chỉnh tại Nghị quyết này) Ủy ban Nhân dân huyện quyết định phân bổ, sử dụng đúng nhiệm vụ, mục tiêu của nguồn phát sinh và báo cáo HĐND huyện trong kỳ họp cuối năm 2024.

**2.** Thường trực HĐND, các Ban, các tổ và các đại biểu HĐND huyện theo chức năng, nhiệm vụ quy định thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này được HĐND huyện khoá XII, kỳ họp thứ 16 thông qua./.

## **CHỦ TỊCH**

### *Nơi nhận:*

- TT.HĐND + UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT.Huyện uỷ, TT.UBND huyện;
- Thành viên UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- TT.UB.MTTQ huyện;
- Phòng Tư pháp;
- VP.Huyện uỷ; UBND huyện;
- TT.HĐND + UBND các xã (TT);
- Lưu: VT, VP, TC-KH.

**PHỤ LỤC**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: /NQ.HĐND, ngày tháng năm 2024 của HĐND huyện Thanh Trì)*

*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2024	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
A	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện (chỉ tiêu phân đầu HĐND huyện giao)	35.000.000.000	0	35.000.000.000	
	Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện (chỉ tiêu tỉnh giao): trong đó thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp 32.350.000.000 đồng	32.350.000.000		32.350.000.000	
B	Dự toán thu ngân sách huyện	482.030.000.000	154.652.927.027	636.682.927.027	
I	Dự toán thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	32.350.000.000	0	32.350.000.000	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	449.680.000.000	77.155.747.179	526.835.747.179	
1	Thu bổ sung cân đối	419.900.000.000		419.900.000.000	
2	Thu bổ sung có mục tiêu đầu năm	29.780.000.000		29.780.000.000	
2.1	Từ nguồn cân đối NSĐP				
2.2	Từ nguồn xổ số kiến thiết	29.780.000.000		29.780.000.000	
3	Thu bổ sung trong năm		77.155.747.179	77.155.747.179	
3.1	Bổ sung chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	0	36.970.000.000	36.970.000.000	
3.1.1	Kinh phí dự toán vốn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp) năm 2024 thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		2.588.000.000	2.588.000.000	
3.1.2	Kinh phí vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		12.371.000.000	12.371.000.000	
3.1.3	Kinh phí vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh năm 2024 (vốn đối ứng) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		2.070.000.000	2.070.000.000	
3.1.4	Kinh phí vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh (vốn đối ứng) năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		19.941.000.000	19.941.000.000	

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2024	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
3.2	<b>Bổ sung chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số</b>	0	23.297.000.000	23.297.000.000	
3.2.1	Kinh phí (vốn sự nghiệp) thực hiện chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		11.604.000.000	11.604.000.000	
3.2.2	Kinh phí vốn đầu tư phát triển ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		11.693.000.000	11.693.000.000	
3.3	<b>Bổ sung chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững</b>	0	6.512.000.000	6.512.000.000	
	Kinh phí (vốn sự nghiệp) thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững 2024 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		6.512.000.000	6.512.000.000	
3.4	<b>Cộng bổ sung có mục tiêu</b>	0	10.376.747.179	10.376.747.179	
3.4.1	Kinh phí tổ chức các hoạt động thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024		683.500.000	683.500.000	
3.4.2	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo NĐ 108/2014/NĐ-CP, NĐ 143/2020/NĐ-CP và NĐ số 29/2023/NĐ-CP đợt II năm 2023 (lần 2)		627.010.920	627.010.920	
3.4.3	Kinh phí khắc phục ô nhiễm môi trường tại các Bãi rác trên địa bàn huyện, thị xã		642.236.259	642.236.259	
3.4.4	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2024		133.000.000	133.000.000	
3.4.5	Kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024		5.700.000.000	5.700.000.000	
3.4.6	Kinh phí hỗ trợ nghi việc đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ấp, khóm		58.500.000	58.500.000	

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2024	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
3.4.7	Kinh phí nghiên cứu khoa học và công nghệ năm 2024		150.000.000	150.000.000	
3.4.8	Kinh phí tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ huyện Thạnh Trị		2.200.000.000	2.200.000.000	
3.4.9	Kinh phí hoạt động duy trì, cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015		148.500.000	148.500.000	
3.4.10	Kinh phí cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng tỉnh Sóc Trăng 2024		34.000.000	34.000.000	
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn ngân sách năm 2023 chuyển sang năm 2024</b>		<b>62.131.930.805</b>	<b>62.131.930.805</b>	
1	Chuyển nguồn ngân sách huyện		58.673.706.268	58.673.706.268	
2	Chuyển nguồn ngân sách xã		3.458.224.537	3.458.224.537	
<b>IV</b>	<b>Thu kết dư</b>		<b>15.365.249.043</b>	<b>15.365.249.043</b>	
1	Kết dư ngân sách huyện		12.704.287.218	12.704.287.218	
2	Kết dư ngân sách xã		2.660.961.825	2.660.961.825	
<b>C</b>	<b>Dự toán chi ngân sách huyện (bao gồm chi trợ cấp ngân sách xã)</b>	<b>482.030.000.000</b>	<b>154.652.927.027</b>	<b>636.682.927.027</b>	
<b>I</b>	<b>Dự toán chi ngân sách cấp huyện</b>	<b>420.188.000.000</b>	<b>138.197.640.665</b>	<b>558.385.640.665</b>	
<b>1</b>	<b>Chi ngân sách cấp huyện theo phân cấp (không bao gồm chi ngân sách xã)</b>	<b>390.408.000.000</b>		<b>390.408.000.000</b>	
1.1	Chi đầu tư phát triển	26.419.000.000		26.419.000.000	
1.2	Chi thường xuyên (bao gồm tiết kiệm 10% chi thường xuyên 4.466 triệu đồng)	356.283.000.000		356.283.000.000	
1.3	Chi dự phòng ngân sách	7.706.000.000		7.706.000.000	
<b>2</b>	<b>Chi bổ sung có mục tiêu đầu năm</b>	<b>29.780.000.000</b>		<b>29.780.000.000</b>	
2.1	Từ nguồn cân đối NSDP				
2.2	Từ nguồn xổ số kiến thiết	29.780.000.000		29.780.000.000	
2.3	Vốn bổ sung có mục tiêu của NSTW	0		0	
<b>3</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu</b>		<b>66.819.647.179</b>	<b>66.819.647.179</b>	
	Trong đó				

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2024	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
<b>3.1</b>	<b>Bổ sung chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới</b>	<b>0</b>	<b>34.716.400.000</b>	<b>34.716.400.000</b>	
3.1.1	Kinh phí dự toán vốn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp) năm 2024 thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới cấp huyện		534.400.000	534.400.000	
3.1.2	Kinh phí vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện		12.371.000.000	12.371.000.000	
3.1.3	Kinh phí vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh năm 2024 (vốn đối ứng) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện		1.870.000.000	1.870.000.000	
3.1.4	Kinh phí vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh (vốn đối ứng) năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		19.941.000.000	19.941.000.000	
<b>3.2</b>	<b>Bổ sung chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số</b>		<b>18.540.000.000</b>	<b>18.540.000.000</b>	
3.2.1	Kinh phí (vốn sự nghiệp) thực hiện chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		11.604.000.000	11.604.000.000	
3.2.2	Kinh phí vốn đầu tư phát triển ngân sách nhà nước năm 2024 thực hiện chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số cấp huyện		6.936.000.000	6.936.000.000	
<b>3.3</b>	<b>Bổ sung chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững</b>		<b>3.380.000.000</b>	<b>3.380.000.000</b>	
	Kinh phí (vốn sự nghiệp) thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững 2024 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng		3.380.000.000	3.380.000.000	
<b>3.4</b>	<b>Cộng bổ sung có mục tiêu</b>	<b>0</b>	<b>10.183.247.179</b>	<b>10.183.247.179</b>	
3.4.1	Kinh phí tổ chức các hoạt động thăm, tặng quà nhân dịp tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024		683.500.000	683.500.000	
3.4.2	Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo NĐ 108/2014/NĐ-CP, NĐ 143/2020/NĐ-CP và NĐ số 29/2023/NĐ-CP đợt II năm 2023 (lần 2)		627.010.920	627.010.920	
3.4.3	Kinh phí khắc phục ô nhiễm môi trường tại các Bãi rác trên địa bàn huyện, thị xã		642.236.259	642.236.259	
3.4.4	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng năm 2024		133.000.000	133.000.000	
3.4.5	Kinh phí hỗ trợ sản phẩm, dịch vụ công ích thuỷ lợi năm 2024		5.700.000.000	5.700.000.000	
3.4.6	Kinh phí nghiên cứu khoa học và công nghệ năm 2024		150.000.000	150.000.000	
3.4.7	Kinh phí tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ huyện Thạnh Trị		2.200.000.000	2.200.000.000	

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2024	Dự toán điều chỉnh tăng (+), giảm (-)	Dự toán sau khi điều chỉnh	Ghi chú
3.4.8	Kinh phí hoạt động duy trì, cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 cấp huyện		13.500.000	13.500.000	
3.4.9	Kinh phí cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng tỉnh Sóc Trăng 2024		34.000.000	34.000.000	
4	<b>Chi chuyển nguồn ngân sách cấp huyện năm 2023 chuyển sang năm 2024 (bao gồm kinh phí tiết kiệm chi năm 2023)</b>		<b>58.673.706.268</b>	<b>58.673.706.268</b>	
5	<b>Chi kết dư ngân sách cấp huyện</b>		<b>12.704.287.218</b>	<b>12.704.287.218</b>	
	<b>Trong đó:</b>				
	Kinh phí chính sách an sinh xã hội (bao gồm nộp trả mục tiêu ngân sách tỉnh)		12.704.287.218	12.704.287.218	
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách cấp xã</b>	<b>61.842.000.000</b>	<b>16.455.286.362</b>	<b>78.297.286.362</b>	
1	Chi ngân sách cấp xã	61.842.000.000		61.842.000.000	
2	Chi chuyển nguồn ngân sách xã		3.458.224.537	3.458.224.537	
3	Chi kết dư ngân sách xã		2.660.961.825	2.660.961.825	
4	Chi bổ sung có mục tiêu ngân sách huyện cho ngân sách cấp xã (từ nguồn mục tiêu tỉnh)		10.336.100.000	10.336.100.000	
	<b>Trong đó:</b>				
-	Chi chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		2.253.600.000	2.253.600.000	
-	Chi chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2022		4.757.000.000	4.757.000.000	
-	Chi chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững		3.132.000.000	3.132.000.000	
-	Kinh phí hỗ trợ nghi việc đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ấp, khóm		58.500.000	58.500.000	
-	Kinh phí hoạt động duy trì, cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 cấp xã		135.000.000	135.000.000	